

Bản án số: 121/2022/DS-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền số 1003/2020/UQ-TTT ngày 05/11/2020 (*ông M có mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Nguyệt M1, sinh năm 1978, địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi làm việc: Phường E, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*Bà Nguyệt M1 vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/11/2011, bà M1 có ký với Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ visa, số thẻ 486265-0715, lãi suất 2.15% (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản và

điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà M1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 95.138.226 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M1 không có thiện chí trả nợ. Do bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 2.548.574 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà M1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/4/2022 là 9.193.074 đồng, bao gồm nợ gốc: 2.548.574 đồng, lãi quá hạn: 6.644.500 đồng. Ngoài ra, bà M1 còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn, bà Trần Thị Nguyệt M1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt M1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2022 là 9.324.594 đồng, bao gồm nợ gốc 2.548.574 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 6.776.020 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà M1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa hai bên, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức 15.000.000 đồng. Bà M1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 93.324.330 đồng, đã trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 95.138.226 đồng. Từ ngày 23/8/2015 bà M1 không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nên Ngân hàng đã chuyển số tiền còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/5/2022 bà M1 còn nợ Ngân hàng số tiền 9.324.594 đồng, bao gồm nợ gốc 2.548.574 đồng và nợ lãi là 6.776.020 đồng. Bà M1 đã được Ngân hàng thông báo về việc trả nợ vay nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà M1 phải trả ngay một lần số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – bà Trần Thị Nguyệt M1. Tại bản giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/11/2011 thể hiện bà M1 có địa chỉ tạm trú tại Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi làm việc: Phường E, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có xác nhận của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ quảng cáo ATA. Theo kết quả xác minh của công an Phường 15, quận Tân Bình thì bà M1 thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, tuy nhiên địa chỉ nơi làm việc của bà M1 tại Phường E, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có xác nhận của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ quảng cáo A1). Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Bị đơn – bà Trần Thị Nguyệt M1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng S yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt M1 thanh toán số tiền nợ là 9.324.594 đồng, bao gồm nợ gốc 2.548.574 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 6.776.020 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/11/2011, bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S có cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Nguyệt Minh với hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà M1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 93.324.330 đồng, đã trả 95.138.226 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà M1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/8/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 2.548.574 sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/5/2022 bà M1 còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng: 9.324.594 đồng, bao gồm nợ gốc 2.548.574 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 6.776.020 đồng. Xét thấy, bà M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa

thuận tại hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà M1 trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/11/2011, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng S, là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 466.230 đồng do bà Trần Thị Nguyệt M1 phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 688, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng S:

Buộc bà Trần Thị Nguyệt M1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền 9.324.594 (chín triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi bốn) đồng, bao gồm nợ gốc 2.548.574 (hai triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi bốn) đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2022 là 6.776.020 (sáu triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày 31/5/2022 bà Trần Thị Nguyệt M1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký với Ngân hàng S ngày 22/11/2011, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 466.230 (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi) đồng do bà Trần Thị Nguyệt M1 phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0068910 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Nguyệt M1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

